

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 6 năm 2025

Số: 2125 /25/AUD.VVALUES

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

V/v: soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/6/2025
và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025
của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé.

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2011 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2012;
- Căn cứ vào Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng Kiểm toán được ban hành theo Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính;
- Căn cứ Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện;
- Căn cứ theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Cao su Sông Bé về việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Hai bên gồm:

Bên A : CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SÔNG BÉ

(Dưới đây gọi tắt là Bên A)

Đại diện là ông : **NGUYỄN ĐÔNG DÀN**

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Điện thoại : +84 (271) 3667 202 – 3667 203

Fax : +84 (271) 3667 260

Địa chỉ : Đường ĐT751, Tổ 8, Khu phố 3, phường Minh Thành, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

Mã số thuế : 3800100464

Tài khoản : 655.10.000000.614 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Phước.

Bên B : CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN CHUẨN VIỆT

Công ty Thành viên của JPA International

(Dưới đây gọi tắt là Bên B)

Đại diện là Bà : **ĐỖ THỊ HƯƠNG**

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Email : contact@vietvalues.com

Điện thoại : +84 (28) 3859 4168 – 3859 2285

Địa chỉ : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.Hồ Chí Minh.

Mã số thuế : 0303128175

Tài khoản : 1401 14851 034 725 tại Eximbank, Chi nhánh Sài Gòn, Tp.Hồ Chí Minh.

Sau khi thỏa thuận, hai bên nhất trí ký hợp đồng này gồm các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B được Bên A chỉ định để cung cấp các dịch vụ sau:

1. Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Bên A cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu (nếu có), Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025. Mục đích của cuộc soát xét là để Bên B đưa ra kết luận về việc liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến cho Bên B cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ của Bên A không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Bên A tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Bên A cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ của Bên A sẽ được Bên B thực hiện theo Chuẩn mực Việt Nam về dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện;
2. Dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính của Bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Mục đích của cuộc kiểm toán là để Bên B có được sự đảm bảo hợp lý về việc báo cáo tài chính của Bên A trên phương diện tổng thể có các sai sót trọng yếu do nhầm lẫn hay do gian lận hay không, và đưa ra ý kiến kiểm toán về việc liệu báo cáo tài chính của Bên A có phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Bên A tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Việc kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bên A sẽ được Bên B thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Sau đây gọi chung báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là "Báo cáo tài chính".

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN

2.1 Trách nhiệm của Bên A:

Dịch vụ soát xét và kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- (a) Đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng;
- (b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

- (c) Đảm bảo các sổ kế toán và chứng từ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Bên A, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chuẩn mực kế toán đã được áp dụng;
- (d) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
 - (i) Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - (ii) Các thông tin bổ sung mà Bên B yêu cầu Ban Tổng Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc soát xét / kiểm toán;
 - (iii) Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà Bên B xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình soát xét / kiểm toán;
 - (iv) Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình soát xét / kiểm toán.

Việc Ban Tổng Giám đốc không thể cung cấp cho Bên B các thông tin được đề cập như trên hoặc quyền trao đổi với nhân viên của Bên A có thể gây chậm hoàn thành công việc và phát hành báo cáo của Bên B, và/hoặc thay đổi phạm vi các thủ tục soát xét / kiểm toán, hoặc thậm chí dẫn tới việc Bên B chấm dứt cung cấp dịch vụ;

- (e) Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình soát xét và kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị”, một trong những yêu cầu của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện và Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc của Bên A trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do Bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình soát xét / kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.
- (f) Bố trí địa điểm làm việc và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của Bên A.
- (g) Có ý kiến phản hồi về bản dự thảo Báo cáo soát xét và kiểm toán trong vòng 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi Bên B gửi bản dự thảo cho Bên A
- (h) Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho Bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

2.2 Trách nhiệm của Bên B:

2.2.1 Đối với dịch vụ soát xét

- (a) Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- (b) Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, kế toán, và áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực

các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ về cơ bản hẹp hơn phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét.

- (c) Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của bên B không thể được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhầm lẫn hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo cho Bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà Bên B phát hiện được.
- (d) Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung, kế hoạch soát xét và kết quả soát xét, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện soát xét;
- (e) Bên B thực hiện công việc soát xét theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó, Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố;
- (f) Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện soát xét. Theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra kết luận của mình về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Bên A.

2.2.2 Đối với dịch vụ kiểm toán

- (a) Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.
- (b) Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.
- (c) Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.
- (d) Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị của Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về Báo cáo tài chính của Bên A.

- (e) Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.
- (f) Để đánh giá rủi ro, Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập Báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo tới Bên A bằng văn bản về các khiếm khuyết nghiêm trọng trong kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính.

ĐIỀU 3: BÁO CÁO KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO SOÁT XÉT

3.1 Sau khi kết thúc công tác soát xét, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

- Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ kèm theo Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 được phát hành 10 (mười) bộ:
 - + Bên A: 06 (sáu) bộ tiếng Việt – 01 (một) bộ tiếng Anh
 - + Bên B: 02 (hai) bộ tiếng Việt – 01 (một) bộ tiếng Anh

Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, pháp luật và quy định khác có liên quan.

3.2 Sau khi hoàn thành cuộc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

- Báo cáo kiểm toán kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được phát hành 10 (mười) bộ:
 - + Bên A: 06 (sáu) bộ tiếng Việt – 01 (một) bộ tiếng Anh
 - + Bên B: 02 (hai) bộ tiếng Việt – 01 (một) bộ tiếng Anh

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, 705, 706 và các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

- Thư quản lý (nếu có) sẽ đề cập đến những điểm thiếu sót cần khắc phục và ý kiến đề xuất của kiểm toán viên nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống quản lý tài chính kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A. Thư quản lý (nếu có) được phát hành 02 (hai) bộ tiếng Việt:
 - + Bên A: 01 (một) bộ
 - + Bên B: 01 (một) bộ

Nếu Bên A có nhu cầu tăng thêm về số lượng Báo cáo, phần báo cáo in ấn thêm được thanh toán theo chi phí in ấn thực tế.

Trong trường hợp Bên A dự định phát hành Báo cáo soát xét và Báo cáo kiểm toán của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được soát xét / kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc của Bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho Bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

Việc nộp các báo cáo này cho các cơ quan chức năng thuộc trách nhiệm của Bên A.

ĐIỀU 4: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1 Phí dịch vụ

Tổng phí dịch vụ cho các dịch vụ nêu tại Điều 1 là: **150.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi triệu đồng chẵn).**

Phí dịch vụ **chưa bao gồm Thuế giá trị gia tăng** nhưng đã bao gồm chi phí đi lại, ăn ở và phụ phí khác.

4.2 Phương thức thanh toán

- Phí kiểm toán sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Bên B.
- Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 50% tổng phí dịch vụ (*chưa bao gồm Thuế giá trị gia tăng*) trong vòng 05 (năm) ngày kể từ khi hợp đồng được ký kết, số tiền còn lại (*bao gồm Thuế giá trị gia tăng theo quy định hiện hành*) Bên A sẽ thanh toán dứt điểm một lần ngay sau khi Bên B hoàn thành dịch vụ kiểm toán và dự thảo Báo cáo kiểm toán đã được Bên A ký chấp nhận.
- Bên B sẽ phát hành Hóa đơn GTGT cho Bên A khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ, phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành.

ĐIỀU 5: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau và trao đổi, tìm giải pháp thích hợp. Mọi thông tin phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ đã ghi trên đây.

Thời gian hoàn thành cuộc soát xét / kiểm toán dự kiến là trong vòng 20 ngày kể từ ngày Bên B bắt đầu thực hiện cuộc kiểm toán. Thời gian này dựa trên cơ sở Bên A thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của mình đã nêu tại Điều 2, trong đó bao gồm Bên A đã cung cấp đầy đủ và đồng bộ hồ sơ, tài liệu chứng từ kế toán có liên quan đến dịch vụ soát xét / kiểm toán theo yêu cầu của Bên B và thống nhất hướng giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình soát xét / kiểm toán.

ĐIỀU 6: HỦY HỢP ĐỒNG

Nếu Bên A hủy hợp đồng này do lỗi của Bên A, Bên B có quyền phát hành hóa đơn yêu cầu Bên A thanh toán khoản phí nhằm bù đắp thời gian thực tế phát sinh do thực hiện hợp đồng cho đến ngày hợp đồng bị hủy.

ĐIỀU 7: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

Bất kỳ mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay bất đồng phát sinh giữa các bên liên quan trong hợp đồng này hoặc vi phạm hợp đồng thì trước hết sẽ được hai bên giải quyết trên tinh thần hòa giải. Trường hợp hòa giải không thành thì việc tranh chấp đó sẽ được đưa ra Tòa Kinh tế do hai bên lựa chọn. Phán quyết của tòa án sẽ được xem là quyết định cuối cùng và có hiệu lực ràng buộc đối với tất cả các bên tham gia ký kết hợp đồng.

ĐIỀU 8: QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM, MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM VÀ BỒI THƯỜNG

3.1. Điều khoản về giới hạn phạm vi công việc và xác nhận bản chất dịch vụ soát xét / kiểm toán

Bên A xác nhận rằng dịch vụ soát xét / kiểm toán do Bên B cung cấp chỉ nhằm mục đích đưa ra ý kiến hoặc kết luận soát xét / kiểm toán, dựa trên các thủ tục được thực hiện theo chuẩn mực soát xét / kiểm toán. Đây không phải là dịch vụ điều tra hay đảm bảo phát hiện toàn bộ các gian lận, sai sót trong mọi trường hợp. Bên B không có trách nhiệm pháp lý nếu những gian lận, sai

sót, vi phạm pháp luật không được phát hiện do vượt quá giới hạn vốn có của cuộc soát xét / kiểm toán.

3.2. Miễn trừ và giới hạn trách nhiệm

Bên A thừa nhận và khẳng định rằng trách nhiệm lập, trình bày và công bố thông tin tài chính đầy đủ, trung thực, cũng như xây dựng, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ thuộc về Ban Giám đốc / Ban quản trị của Bên A. Cuộc soát xét / kiểm toán của Bên B không làm thay đổi hoặc chuyển giao trách nhiệm này

Trừ các trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc kiểm toán viên/Bên B có hành vi cố ý/gian lận, Bên B và các nhân sự (kiểm toán viên, nhân viên) của Bên B sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào vượt quá tổng phí dịch vụ được ghi tại Điều 8 của Hợp đồng này đối với bất kỳ khiếu nại, yêu cầu bồi thường nào của Bên A hoặc bên thứ ba phát sinh liên quan đến hợp đồng này.

Bên A cam kết bồi thường hoặc bảo vệ Bên B trước mọi khiếu nại, yêu cầu bồi thường từ bên thứ ba đối với các thiệt hại, chi phí pháp lý mà Bên B gánh chịu, nếu những khiếu nại này liên quan đến hoặc phát sinh từ sai sót, gian lận, vi phạm pháp luật hay vi phạm chuẩn mực kế toán của Bên A (hoặc các đơn vị thành viên) mà không phải do lỗi của Bên B.

Trong trường hợp có bất kỳ khiếu nại hay kiện tụng từ bên thứ ba hướng đến Bên B liên quan đến báo cáo tài chính của Bên A, hai bên sẽ cùng phối hợp giải quyết trên tinh thần hợp tác. Bên A có trách nhiệm cung cấp đầy đủ tài liệu, bằng chứng, hỗ trợ pháp lý cần thiết, và chịu các chi phí liên quan đến việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bên B, nếu lỗi không xuất phát từ Bên B.

3.3. Sử dụng Báo cáo soát xét / kiểm toán và không chuyển giao cho bên thứ ba

Báo cáo soát xét / kiểm toán của Bên B được lập riêng cho mục đích mà hai bên đã thỏa thuận (nộp cơ quan chức năng, công bố theo quy định...), Bên A không được chuyển giao, cung cấp cho bên thứ ba hoặc sử dụng cho mục đích khác ngoài phạm vi đã thỏa thuận mà không có văn bản chấp thuận của Bên B. Bên B sẽ không chịu trách nhiệm về bất kỳ tổn thất, khiếu nại nào của bên thứ ba liên quan đến việc sử dụng Báo cáo không đúng mục đích.

3.4. Trách nhiệm cho các sự kiện phát sinh sau ngày phát hành báo cáo

Bên B không có nghĩa vụ thực hiện bất kỳ thủ tục nào để phát hiện các sự kiện phát sinh sau ngày phát hành báo cáo. Mọi thay đổi trọng yếu hay sự kiện xảy ra sau ngày phát hành báo cáo không thuộc phạm vi trách nhiệm của Bên B, trừ khi pháp luật hoặc chuẩn mực kiểm toán có quy định cụ thể.

ĐIỀU 9: BẤT KHẢ KHÁNG

9.1. Định nghĩa

“Sự kiện bất khả kháng” là các sự kiện xảy ra ngoài tầm kiểm soát hợp lý của các bên, không thể lường trước hoặc lường trước được nhưng không thể tránh hoặc khắc phục được bằng mọi biện pháp khả thi, như: thiên tai, bão lụt, động đất, chiến tranh, dịch bệnh quy mô lớn, khủng bố, đình công quy mô lớn, biến động chính trị - xã hội nghiêm trọng, hoặc thay đổi đột ngột về chính sách, pháp luật của Nhà nước...

9.2. Hậu quả của sự kiện bất khả kháng

Khi một bên không thể thực hiện (hoặc phải chậm thực hiện) nghĩa vụ hợp đồng do sự kiện bất khả kháng, thì bên đó không được coi là vi phạm hợp đồng và không bị phạt, bồi thường thiệt hại (nếu có) trong phạm vi ảnh hưởng trực tiếp của sự kiện bất khả kháng.

Thời hạn thực hiện nghĩa vụ sẽ được gia hạn tương ứng với khoảng thời gian bị gián đoạn do sự kiện bất khả kháng, kèm theo thời gian hợp lý để khắc phục hậu quả (nếu cần).

9.3. Nghĩa vụ thông báo và giảm thiểu thiệt hại

Bên chịu ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải thông báo ngay cho bên còn lại (bằng văn bản/email chính thức) trong thời hạn 07 ngày kể từ khi biết về sự kiện này, kèm theo các chứng cứ cần thiết (nếu có).

Hai bên có trách nhiệm thiện chí phối hợp, tìm biện pháp hợp lý để giảm thiểu thiệt hại và tiếp tục thực hiện hợp đồng ngay khi sự kiện bất khả kháng chấm dứt.

9.4. Chấm dứt do bất khả kháng kéo dài

Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài quá (trên 90 ngày) mà vẫn không có biện pháp khắc phục, hai bên sẽ thỏa thuận chấm dứt hoặc tạm dừng thực hiện hợp đồng. Việc thanh toán các chi phí, nghĩa vụ phát sinh sẽ được hai bên thương lượng trên tinh thần thiện chí và theo công việc đã thực hiện.

ĐIỀU 10: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu lực sau khi hai bên đã ký kết và có đầy đủ con dấu của hai bên.
- Hợp đồng này có giá trị thực hiện cho đến khi thanh lý hợp đồng hoặc hai bên cùng nhất trí hủy bỏ hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 05 (năm) bản chính bằng tiếng Việt, Bên A giữ 03 (ba) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.
- Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi Bên A và Bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên./.

Đại diện Bên B
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
& TƯ VẤN CHUẨN VIỆT (VIETVALUES)
TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐỖ THỊ HƯƠNG

Đại diện Bên A
CÔNG TY CỔ PHẦN
CAO SU SÔNG BÉ
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐÔNG DÀN